

Lớp 5 tới em tiếp tục soạn bài giảng PPT sách Kết nối tri thức và
Cánh diều. Rất mong được đồng hành cùng quý thầy cô



MỜI THẦY CÔ QUÉT
MÃ ZALO NHẬN TÀI
LIỆU HAY MIỄN PHÍ



<https://zalo.me/g/kyvrkk831>

HỌC NỮA – HỌC MÃI

BÀI TẬP ÔN HÈ

LỚP 3 LÊN LỚP 4



HỌ TÊN:

A. TỔNG HỢP KIẾN THỨC

I. CÁC SỐ ĐẾN 10000; 100000

1. Cách đọc, viết các số có 4, 5 chữ số

a, Lưu ý cho học sinh cách đọc số có chữ số 0; 1; 4; 5.

- Khi nào đọc là “không”, “mười” (2032; 2320).
- Khi nào đọc là “một”, “mốt” (1326; 3261).
- Khi nào đọc là “bốn”, “tư” (4526; 5264).
- Khi nào đọc là “năm”, “lăm” (5378; 7835).

b, Lưu ý viết số:

- Năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi sáu. Viết là: 52436.

- Viết số gồm: 5 chục nghìn, 2 nghìn, 4 trăm, 3 chục và 6 đơn vị. Viết là: 52436.

2. So sánh các số trong phạm vi 10000;

100000 - Giúp học sinh nắm được các bước so sánh:

+ Bước 1: So sánh số các chữ số.

+ Bước 2: So sánh từng hàng của 2 số kể từ hàng lớn nhất.

VD: So sánh: 45367 ... 45673.

– Ta thấy 2 số đều có 5 chữ số.

– So sánh từng hàng: hàng chục nghìn bằng nhau, hàng nghìn bằng nhau, hàng trăm $3 < 6$.

Vậy: $45367 < 45673$.

* **Lưu ý:** So sánh 2 số: $5639 ... 5039 + 6$.

– Thực hiện tính về phải: $5639 > 5045$.

3. Phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 10 000, 100 000

– Lưu ý học sinh đặt tính theo cột dọc, đặt thẳng các hàng từ phải sang trái. Nhớ chính xác khi thực hiện phép tính.

4. Phép nhân, phép chia các số có 4; 5 chữ số với (cho) số có 1 chữ số

– Lưu ý học sinh đặt tính đúng, thực hiện phép nhân từ phải sang trái, Thực hiện phép chia từ trái sang phải.

5. Thiết lập số có 4; 5 chữ số

VD: Viết tất cả các số có 4 chữ số khác nhau từ các chữ số: 1; 2; 3; 4 trong đó có chữ số hàng đơn vị là 4.

6. Nêu quy luật của dãy số, viết số thích hợp vào chỗ chấm... VD: 13005; 13006; ...;...;...;...

7. Tính giá trị của biểu thức

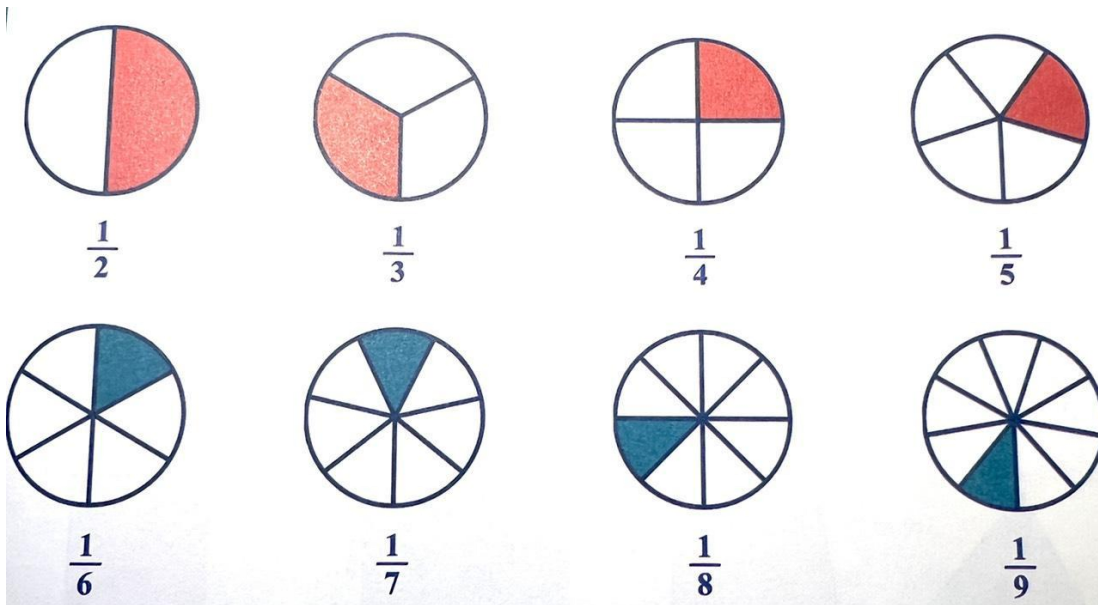
+ Dạng 1: Biểu thức không có dấu ngoặc:

VD: $49368 + 9050 : 5$ (Thực hiện phép chia trước).

+ Dạng 2: Biểu thức có chứa dấu ngoặc:

VD: $(89367 - 14399) \times 3$ (Thực hiện trong ngoặc trước).

8. Một phần mấy.



II. GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

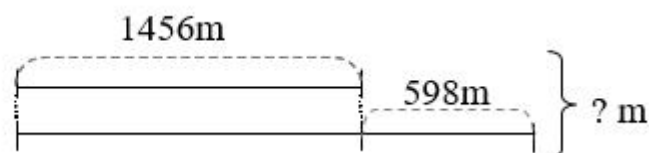
1. Dạng toán về hơn kém số đơn vị

VD: Cuộn dây xanh dài 1456m. Cuộn dây đỏ dài hơn cuộn dây xanh 598m. Hỏi cả 2 cuộn dây dài bao nhiêu mét?

Tóm tắt:

Cuộn dây xanh:

Cuộn dây đỏ:



2. Dạng toán về gấp, kém số lần

VD: Mạnh vải trắng dài 1569m, mảnh vải đen dài gấp 3 lần mảnh vải trắng. Hỏi cả 2 mảnh vải dài bao nhiêu mét?

Tóm tắt:

Mảnh vải trắng:

Mảnh vải đen:



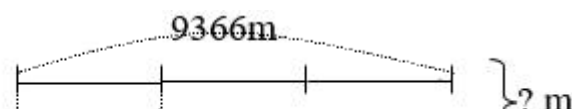
3. Dạng toán tìm 1 trong các phần bằng nhau của 1 số

VD: Cuộn dây xanh dài 9366m. Cuộn dây vàng dài bằng $\frac{1}{3}$ cuộn dây xanh. Hỏi cả 2 cuộn dây dài bao nhiêu mét?

Tóm tắt:

Cuộn dây xanh:

Cuộn dây vàng:



4. Dạng toán liên quan đến rút về đơn vị

VD1: 3 hàng có 396 cây. Hỏi 5 hàng có bao nhiêu cây?

Tóm tắt:

3 hàng: 396 cây.

5 hàng: cây?

-> Giải bằng 2 phép tính: chia và nhân

VD2: 1530 cái bát xếp vào 5 chồng. Hỏi có 9005 cái bát xếp vào được bao nhiêu chồng bát như thế?

Tóm tắt:

1530 cái bát: 5 chồng.

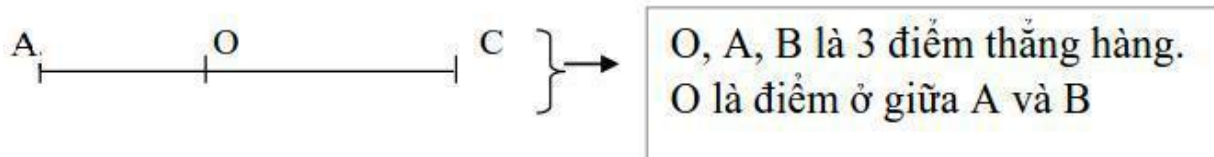
9005 cái bát: ... chồng?

-> Giải bằng 2 phép tính: chia và chia

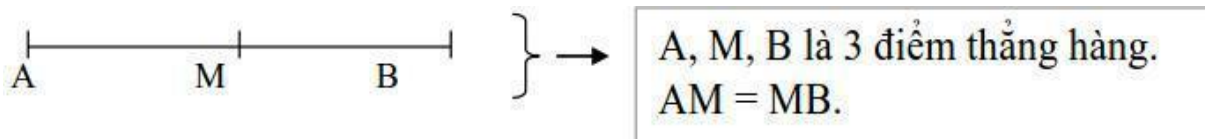
III. HÌNH HỌC

1. Điểm ở giữa – trung điểm của đoạn

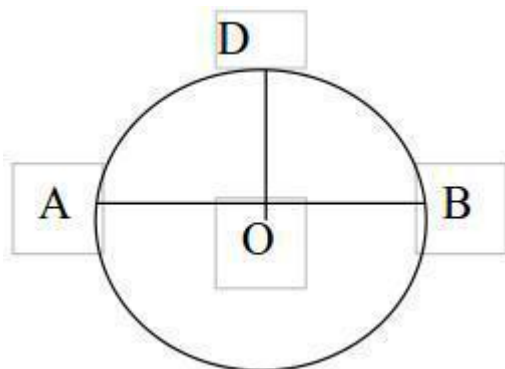
thẳng *) Điểm ở giữa:



*) Trung điểm của đoạn thẳng:



2. Hình tròn, tâm, bán kính, đường kính



*) Hình tròn tâm O:

– Đường kính AB đi qua O, có giới hạn bởi vành tròn A; B.

– Bán kính $OA = OB$.

$OA = OB = \frac{1}{2} AB$;

– Bán kính bằng nửa đường kính:

Từ điểm O ra vành tròn A; B; D.

3. Diện tích của 1 hình

– Bề mặt bên trong của 1 hình nào đó chính là diện tích của hình đó.

4. Đơn vị đo diện tích: cm^2

– Xăng – ti – mét vuông là diện tích của 1 hình vuông có cạnh là 1cm.

5. Diện tích hình chữ nhật

– Giúp học sinh hiểu và nắm được quy tắc tính diện tích hình chữ nhật: Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

– Giúp học sinh vận dụng quy tắc làm bài tập phức tạp hơn:

VD: Nửa chu vi hình chữ nhật là 36m, biết chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính diện tích?

+ Bước 1: Tìm chiều dài và chiều rộng.

+ Bước 2: Tìm diện tích.

Chiều rộng:

Chiều dài:



Diện tích: ...m ?

6. Diện tích hình vuông

– Giúp học sinh hiểu và nắm được quy tắc tính diện tích hình vuông = cạnh x cạnh.

– Vận dụng quy tắc làm bài tập phức tạp.

7. Chu vi hình tam giác .

8. Chu vi hình tứ giác.

9. Chu vi hình chữ nhật.

10. Chu vi hình vuông.

IV. CÁC DẠNG TOÁN KHÁC

1. Thời gian: Ngày – Tháng – Năm

– Ngày 1/ 6/ 2004 là thứ ba. Vậy ngày 1/ 6/ 2005 là thứ tư.

2. Làm quen với chữ số La Mã

– Giúp học sinh hiểu được các số La Mã từ 1 đến 21.

– Biết đọc, viết, ghép số La Mã.

– 5 số chính: I, II, III, V, X để ghép thành các số khác.

– Biết sắp xếp các số La Mã từ que diêm cho sẵn.

3. Thực hành xem đồng hồ

– Giúp học sinh biết chỉ giờ hơn: kim phút qua số 12.

– Giúp học sinh biết chỉ giờ kém: Kim phút qua số 6.

– Giúp học sinh biết số giờ trong 1 ngày = 24 giờ.

– Đọc giờ chiều, tối, đêm,

– Chỉ đồng hồ có số La Mã.

– Xem giờ đồng hồ điện tử.

– Cách tính khoảng thời gian nhất định.

VD: An đi học lúc 6h30 phút. Từ nhà đến trường An đi hết 10 phút. Hỏi An đến trường lúc mấy giờ?

4. Làm quen với thống kê số liệu

– Giúp học sinh biết nhìn vào dãy số liệu trả lời câu hỏi.

– Biết lập bảng thống kê số liệu.

VD1: Cho dãy số liệu: 5, 10, 15, 20, 25, 30.

+ Dãy số trên có tất cả bao nhiêu số?

+ Số thứ 3 trong dãy là số nào? số này hơn số thứ nhất trong dãy bao nhiêu đơn vị?

+ Số thứ 2 lớn hơn số thứ mấy trong dãy?

VD2: Lập bảng thống kê số liệu sau:

– Khối 3 có 4 lớp: 3A, 3B, 3C, 3D.

– Số cây trồng của mỗi lớp thứ tự là: 40, 25, 45, 28.

Lớp	3A	3B	3C	3D
Số cây	40	25	45	28

B. CÁC DẠNG TOÁN

I. CỘNG, TRỪ CÁC SỐ CÓ 3 CHỮ

SỐ Đặt tính rồi tính:

$162 + 370$

$728 - 245$

$315 + 315$

$478 - 178$

$642 + 287$

$386 + 604$

$740 - 723$

$558 - 281$

II. NHÂN, CHIA SỐ CÓ 2 CHỮ SỐ, 3 CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ 1 CHỮ SỐ Bài 1: Đặt tính rồi tính:

213×3

374×7

113×8

21×6

Bài 2: Đặt tính rồi tính

$381 : 3$

$250 : 6$

$587 : 4$

$727 : 8$

Bài 1: Điền dấu $>$; $<$, $=$ vào chỗ trống

Bài 1: Điền dấu $>$; $<$, $=$ vào chỗ trống

6dm 8mm 680mm

9m 7dm 99dm

5m 17cm 517cm

420mm 4dm 2mm

8dam 5m 85m

a, $8 \text{ dam} + 5 \text{ dam} = \dots\dots$ $403 \text{ cm} - 58 \text{ cm} = \dots\dots$ $12 \text{ km} \times 8 = \dots\dots$
 $69 \text{ cm} : 3 = \dots\dots\dots$ $136 \text{ mm} : 2 = \dots\dots\dots$ $56 \text{ dm} \times 8 = \dots\dots\dots$

$$\text{b, } 24\text{km} : 3 + 102\text{km} \qquad 63\text{m} - 14\text{m} : 7 \qquad 42\text{km} : 7 + 348\text{km}$$
[illegible]

Bài 1: Có 8 bao gạo đựng tất cả 448 kg gạo. Hỏi có 5 bao gạo như thế nặng bao nhiêu kg?

Bài giải

[illegible]

Bài giải

[illegible]

Bài giải

[illegible]

Bài 4: Lúc đầu có 5 xe tải chở tổng cộng 210 bao đường vào kho, sau đó có thêm 3 xe nữa chở đường vào kho. Hỏi có tất cả bao nhiêu bao đường được chở vào kho? (Biết các xe tải chở số bao đường bằng nhau).

Bài giải

[illegible]

Bài 5. Một cửa hàng có 6 hộp bút chì như nhau đựng tổng cộng 144 cây bút chì. Cửa hàng đã bán hết 4 hộp bút chì. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu cây bút chì?

Bài giải

[illegible]

Bài 6: Lớp 3A có 40 HS chia thành 4 tổ, mỗi tổ lại chia đều thành 2 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

[illegible]

Bài 7: Hùng có 56 nghìn đồng mua được 8 quyển truyện, Dũng có ít hơn Hùng 21 nghìn đồng. Hỏi Dũng mua được bao nhiêu quyển truyện tranh? **Bài giải**

[illegible]

Bài 8: Một cửa hàng nhập về 168 bao đường và chia đều vào 3 kho, sau đó lại nhập thêm vào mỗi kho 16 bao đường và bán hết số bao đường trong 2 kho. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu?

Bài giải

[illegible]

Bài 9: Lan có 6 hộp kẹo, Lan cho bạn 24 viên kẹo thì Lan còn lại 4 hộp kẹo nguyên. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu viên kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 10: An có 64 viên bi chia đều thành 8 hộp, Bình có 48 viên bi cũng được chia vào các hộp như An. Hỏi Bình có ít hơn An bao nhiêu hộp bi?

Bài giải

[illegible]

Bài 11: Biết rằng cứ 5 gói kẹo như nhau thì đếm được 40 viên. Hỏi muốn chia cho 36 em thiếu nhi, mỗi em 6 viên kẹo thì phải mua tất cả bao nhiêu gói kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 12: Dũng có 72 viên bi gồm bi xanh và bi đỏ, Dũng chia ra thành các hộp bằng nhau, Dũng chia được 5 hộp bi xanh và 4 hộp bi đỏ. Hỏi Dũng có bao nhiêu viên xanh , bao nhiêu viên bi đỏ?

Bài giải

[illegible]

Bài 13: Một cửa hàng có một số thùng dầu như nhau chứa tổng cộng 72 lít, người ta thêm vào số dầu đó 3 thùng thì số dầu có tất cả là 99 lít. Hỏi lúc đầu cửa hàng có bao nhiêu thùng dầu?

Bài giải

[illegible]

Bài 14: Có một tổ học sinh tham gia trồng rừng , người ta giao cứ 5 học sinh thì trồng 25 cây, nhưng thực tế mỗi học sinh lại trồng nhiều hơn nhiệm vụ được giao 2 cây nên tổng số cây trồng được là 238 cây. Hỏi tổ HS đó có bao nhiêu em?

Bài giải

[illegible]

Bài 15. Có hai chở hàng, xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 40 kg gạo. Xe thứ nhất chở 8 bao, xe thứ hai chở 6 bao gạo. Hỏi mỗi xe chở được bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

[illegible]

Bài 16: Huệ xếp 9 chiếc thuyền mất 36 phút, Hoa xếp 6 chiếc thuyền mất 30 phút. Hỏi Huệ xếp 5 chiếc thuyền và Hoa xếp 4 chiếc thuyền thì ai xếp xong trước? (biết 2 bạn bắt đầu xếp thuyền cùng một lúc).

Bài giải

[illegible]

Bài 17: Cô giáo có 192 viên kẹo đựng đều trong các hộp, cô giáo lấy ra mỗi hộp 8 viên để chia cho các em, sau khi chia xong cô còn lại 128 viên kẹo. Hỏi lúc đầu cô giáo có bao nhiêu hộp kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 18: An có một số hộp bi như nhau, An đếm thử 3 hộp thì thấy có 24 viên, An lấy ra mỗi hộp 2 viên để chia cho Bình, sau khi cho Bình An còn lại 48 viên. Hỏi An có bao nhiêu hộp bi?

[illegible]

Bài 19: Một người mua 126 kg đường dự định chia thành 9 bao nhưng sau đó mỗi bao lại chứa ít hơn dự định 8kg. Hỏi 126 kg đường được chia thành mấy bao?

Bài giải

Bài 20: Có 7 thùng dầu, mỗi thùng có 12 lít. Nếu lấy số dầu trên chia đều vào các thùng 4 lít thì chia được bao nhiêu thùng?

Bài giải

[illegible]

Bài 21: Có 9 hộp kẹo như nhau chứa tổng cộng 144 viên kẹo, người ta chia cho các em thiếu nhi, mỗi em 4 viên thì hết 8 hộp. Hỏi có bao nhiêu em thiếu nhi được chia kẹo?

Bài giải

[illegible]

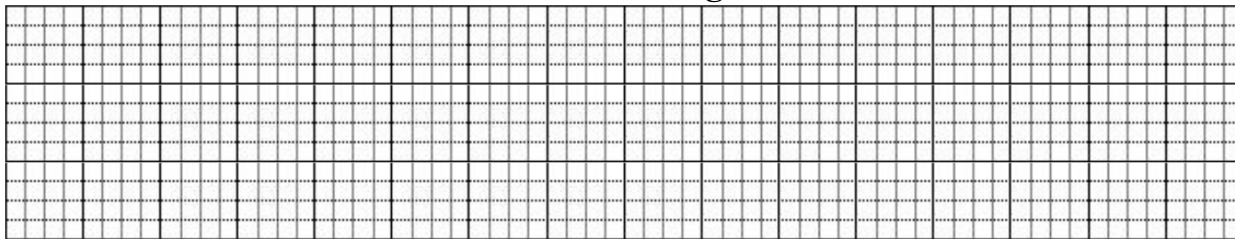
Bài 22: Mẹ chia kẹo cho Hồng và Lan, mỗi lần chia Hồng được 6 viên còn Lan được 4 viên. Sau khi chia xong Hồng được nhiều hơn Lan 12 viên kẹo. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu viên kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 23: Một quầy tập hóa có 9 thùng cốc. Sau khi bán đi 450 cái cốc thì quầy đó còn lại 6 thùng cốc. Hỏi trước khi bán quầy đó có bao nhiêu cái cốc?

Bài giải



Bài 24: Để chuẩn bị cho một hội nghị người ta đó kê 9 hàng ghế đủ chỗ cho 81 người ngồi. Trên thực tế có đến 108 người đến dự họp. Hỏi phải kê thêm mấy hàng ghế nữa mới đủ chỗ?

Bài giải

[illegible]

Bài 25: Ngày thứ nhất bán được 2358kg gạo, ngày thứ hai bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Cả hai ngày bán được số gạo là bao nhiêu?

Bài giải

[illegible]

Bài 26: Một chiếc cầu dài 100m gồm có 5 nhịp. Trong đó 4 nhịp dài bằng nhau nhưng nhịp chính giữa thì dài hơn mỗi nhịp kia 10m. Tính nhịp chính giữa?

Bài giải

[illegible]

Bài 27: 7 bao xi măng nặng 350kg. Mỗi vỏ bao nặng 200g. 5 bao xi măng như thế có khối lượng xi măng là bao nhiêu kilôgam?

Bài giải

[illegible]

Bài 28: Một vườn cây ăn quả có 5 hàng cây hồng xiêm, mỗi hàng 12 cây và có 9 hàng cây táo, mỗi hàng 18 cây. Hỏi vườn cây ăn quả đó có tất cả bao nhiêu cây?

Bài giải

[illegible]

Bài 29: Có 360 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 3 ngăn. Biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau. Số sách ở mỗi ngăn có là bao nhiêu quyển?

Bài giải

[illegible]

Bài 30: Trong sân có 16 con ngan, số vịt nhiều gấp đôi số ngan và ít hơn số gà là 6 con. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu con gà, vịt, ngan?

Bài giải

[illegible]

Bài 31: Trong một cuộc thi làm hoa, bạn Hồng làm được 25 bông hoa. Như vậy Hồng làm ít hơn Mai 5 bông và chỉ bằng một nửa số hoa của Huệ. Hỏi Mai và Huệ mỗi bạn làm được bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

Bài 32: Một thùng đựng đầy dầu hỏa thì nặng 32 kg. Nếu thùng đựng một nửa số dầu hỏa đó thì nặng 17kg. Hỏi khi thùng không đựng dầu thì nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

[illegible]

Bài 33: Có 234 kg đường chia đều vào 6 túi. 8 túi như vậy có số đường là bao nhiêu? Bài giải

[illegible]

Bài 40: Một đoàn du khách có 26 người đón tắc xi, mỗi xe tắc xi chở được 4 người. Hỏi đoàn du khách phải đón tất cả bao nhiêu chiếc tắc xi?

Bài giải

[illegible]

Bài 41: An có một số viên kẹo chia thành 8 túi. Nếu lấy đi 17 viên kẹo thì số kẹo còn lại được chia đều thành 7 túi. Hỏi An có tất cả bao nhiêu viên kẹo.

Bài giải

[illegible]

VII. CÁC BÀI TOÁN VỀ GẤP 1 SỐ LÊN NHIỀU LẦN, GIẢM ĐI 1 SỐ LẦN

Bài 42: Dũng có 16 viên bi, Toàn có số bi gấp 5 lần số bi của Dũng. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu viên bi?

Bài giải

[illegible]

Bài 43 : Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 36 kg đường, ngày thứ hai bán được số đường giảm đi 3 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất bao nhiêu ki lô gam đường?

Bài giải

[illegible]

Bài 44: Có ba thùng dầu, thùng thứ nhất chứa 16 lít, thùng thứ hai chứa gấp 3 lần thùng thứ nhất, thùng thứ ba chứa kém thùng thứ hai 2 lít dầu. Hỏi thùng thứ ba chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

[illegible]

Bài 45: Có hai bao gạo, bao thứ nhất đựng 72 kg gạo và đựng gấp 3 lần bao thứ hai. Hỏi bao thứ hai đựng ít hơn bao thứ nhất bao nhiêu ki lô gam gạo?

[illegible][illegible]

A large grid of graph paper. It features a 10x10 grid of bold lines, creating 10 columns and 10 rows of large squares. Each of these large squares is further divided into a 10x10 grid of smaller squares by dotted lines, resulting in a total of 100 columns and 100 rows of small squares.

IIX. CÁC BÀI TOÁN GIẢI TỪ HAI PHÉP TÍNH TRỞ LÊN

Bài 49: Thùng thứ nhất có 78 kg gạo, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 25 kg gạo.

Hỏi hai thùng có tất cả bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

[illegible]

Bài 50: Có hai bao gạo, bao thứ nhất có 48 kg, bao thứ nhất ít hơn bao thứ hai 16 kg. Hỏi hai

bao có tất cả bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

[illegible]

Bài 51: Có 3 bạn nhỏ đi mua bi, mỗi bạn mua được 5 viên bi xanh và 7 viên bi đỏ. Hỏi ba

bạn mua được bao nhiêu viên bi? hãy giải bài toán bằng hai cách.

[illegible]

Bài 52: Người ta đựng 1344 viên kẹo trong 6 thùng kẹo, mỗi thùng kẹo có 8 gói kẹo.

Hỏi mỗi gói kẹo có bao nhiêu viên kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 53: Hai kệ sách có tổng cộng 130 quyển, nếu lấy 7 quyển sách ở kệ thứ nhất chuyển sang

kệ thứ hai thì số sách ở hai kệ bằng nhau. Hỏi mỗi kệ có bao nhiêu quyển sách?

[illegible]

Bài 54: Dũng có một số viên bi chia đều thành 9 túi, mỗi túi 16 viên bi. Nếu Dũng lấy số bi đó chia đều thành mỗi túi 6 viên bi thì chia được bao nhiêu túi?

Bài giải

[illegible]

Bài 55: Có một số lít dầu, nếu chia mỗi thùng 9 lít thì được 8 thùng và còn dư 6 lít. Hỏi nếu lấy số dầu đó chia đều thành các thùng loại 6 lít thì được bao nhiêu thùng?

Bài giải

[illegible]

Bài 56: Có hai đội học sinh tham gia trồng cây, đội thứ nhất có 45 học sinh, đội thứ hai có nhiều hơn đội thứ nhất 10 học sinh. Hỏi cả hai đội có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

[illegible]

Bài 57: Có hai thùng dầu, thùng thứ nhất có 48 lít dầu và ít hơn thùng thứ hai 4 lít dầu. Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

[illegible]

Bài 58: Dũng có 26 viên bi, Dũng có nhiều hơn Hùng 5 viên nhưng lại ít hơn Bình 7 viên. Hỏi ba bạn có tất cả bao nhiêu viên bi?

Bài giải

[illegible]

Bài 59: Có ba bao đường đựng tổng cộng 168 kg. Bao thứ nhất đựng nhiều hơn bao thứ hai 5kg, bao thứ hai đựng 46 kg. Hỏi bao thứ ba đựng bao nhiêu kg đường?

Bài giải

[illegible]

Bài 60: Hồng có 32 que tính, Lan có 18 que tính, Hồng cho Lan 6 que. Hỏi Hồng còn nhiều hơn Lan bao nhiêu que tính?

Bài giải

[illegible]

Bài 61: An và Bình có tổng cộng 42 viên bi , Nếu An cho Bình 5 viên thì hai bạn có số bi bằng nhau. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

[illegible]

Bài 62: Minh và Hoàng có 38 viên kẹo, Minh ăn hết 6 viên, Hoàng ăn hết 8 viên kẹo. Minh còn lại 12 viên. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên kẹo?

Bài giải

[illegible]

Bài 63: Lớp 3A có 4 tổ, mỗi tổ có 5 học sinh nam và 3 học sinh nữ. Hỏi lớp 3A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài giải

[illegible]

Bài 64: Có 2080 kg gạo đựng đều trong các bao và được 5 xe chở đi. Mỗi xe chở 8 bao gạo. Hỏi mỗi bao đựng bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

[illegible]

Bài 65: Một bao đường nặng hơn một bao gạo 5 kg. Hỏi 5 bao đường nặng hơn 4 bao gạo bao nhiêu kg?

Bài giải

[illegible]

Bài 66: Có ba khúc vải dài bằng nhau dài tổng cộng 144 m được dùng để may quần áo, 1 bộ may hết 4 m vải. Hỏi mỗi khúc vải may được bao nhiêu bộ quần áo?

Bài giải

[illegible]

Bài 67: Có 49 lít dầu được đựng trong 7 thùng trong đó có một cái to hơn đựng 13 lít. Các thùng còn lại chứa số dầu bằng nhau. Hỏi mỗi thùng còn lại chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

[illegible]

Bài 68: Số học sinh khối 3 nếu xếp thành 9 hàng thì mỗi hàng có 16 bạn. Hỏi nếu xếp thành 6 hàng thì mỗi hàng có bao nhiêu bạn?

Bài giải

Bài 69: Một nhà máy có 180 công nhân, người ta dự định chia thành 5 tổ nhưng sau đó lại chia thành 6 tổ. Hỏi mỗi tổ ít hơn dự định là bao nhiêu công nhân?

Bài giải

[illegible]

Bài 70: Một cửa hàng có một số lít nước mắm, cửa hàng đó đựng số nước mắm vào các thùng 9 lít thì được 6 thùng và dư 2 lít. Hỏi số nước mắm đó đựng trong các thùng 7 lít thì

được bao nhiêu thùng?

Bài giải

[illegible]

ĐỀ ÔN TẬP TỔNG HỢP

ĐỀ SỐ 1

Câu 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a) Chữ số 8 trong số 78 362 có giá trị là:

- A. 8000 B. 800 C. 80 D. 8

b) Hình chữ nhật ABCD có chiều dài là 4cm, chiều rộng là 3cm. Diện tích của hình chữ nhật ABCD là:

- A. 12cm^2 B. 14 cm C. 12cm D. 7 cm

c) Số 34675 được đọc là:

- A. Ba mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi năm.
B. Ba mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi lăm.
C. Ba tư nghìn sáu trăm bảy lăm.
D. Ba mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi năm.

d) Số cần điền vào chỗ trống để $3\text{m } 5\text{cm} = \dots \text{cm}$ là:

- A. 35 B. 350 C. 305 D. 3005

e) Trong một tháng, chủ nhật tuần này là ngày 20 thì chủ nhật tuần tới là ngày nào?

- A. Ngày 26 B. Ngày 27 C. Ngày 28 D. Ngày 13

g) Bác Hòa có 60 hộp sữa, bác đã bán $\frac{1}{3}$ số hộp sữa đó. Hỏi bác Hòa đã bán bao nhiêu hộp sữa?

- A. 40 B. 30 C. 20 D. 180

Câu 2:

a < 2m 3cm

b) $8 \times 9 \dots 9 \times 8$

c > tháng?... 1 năm

d) 23045... 24045

$$| \quad =$$

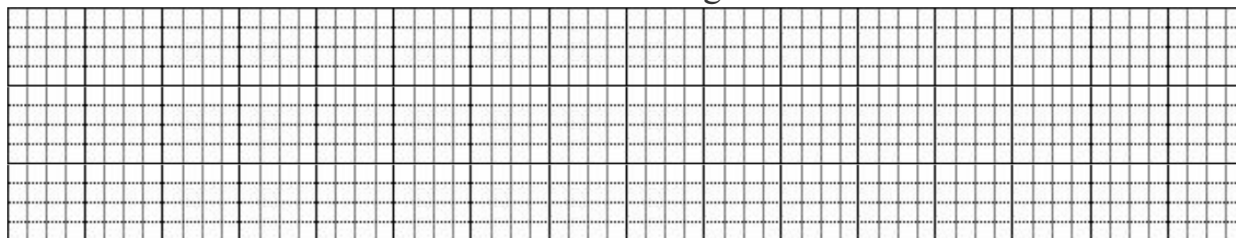
Câu 3: 5 công nhân làm được 45 sản phẩm. Hỏi 7 công nhân như thế làm được bao nhiêu sản phẩm? (sức làm của mỗi người là như nhau)

Bài giải

[illegible]

Câu 4: Một miếng bìa hình chữ nhật có diện tích 36cm^2 , chiều dài là 9cm . Tính chu vi miếng bìa đó.

Bài giải



ĐỀ SỐ 2

Câu 1. (1 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Tổng của 47 856 và 35 687 là:

A. 83433

B. 83543

C. 82443

D. 82543

Câu 2. (1 điểm) Tính nhẩm:

$$7000 + 2000 = \dots\dots\dots 5000 \times 2 = \dots\dots\dots$$

$$3000 - 2000 = \dots\dots\dots 4000 : 4 = \dots\dots\dots$$

Câu 3. (1 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

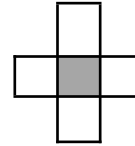
Số phần đã tô màu trong hình bên là:

A. $\frac{1}{10}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $\frac{1}{12}$



Câu 4. (1 điểm) Viết các số sau 3059; 2699; 3005; 2900.

a) Theo thứ tự từ bé đến

lớn:..... b) Theo thứ tự từ lớn đến

bé:..... **Câu 5. (1 điểm)** Khoanh

vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1hm = m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 10

B. 100

C. 1000

D. 10 000

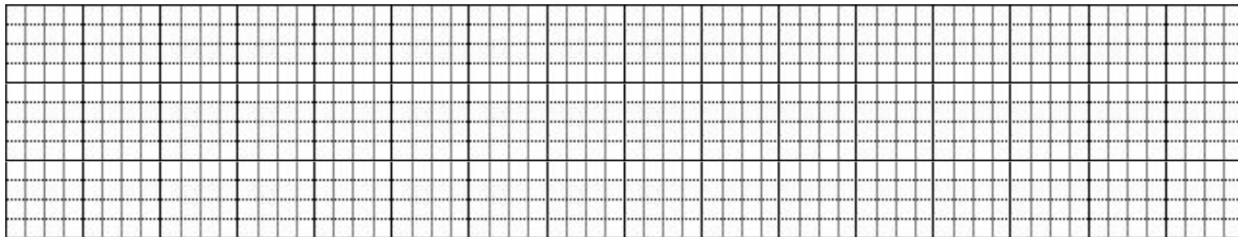
Câu 6. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$4836 + 2557$$

$$7540 - 855$$

$$2439 \times 4$$

$$3648 : 6$$



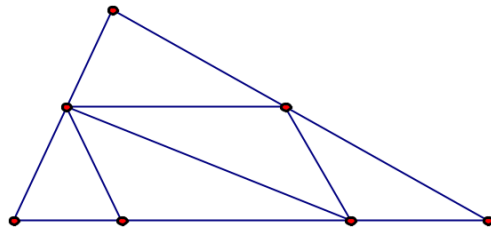
Câu 7. (1 điểm) Hình vẽ có số hình tam giác và tứ giác là:

A. 7 tam giác, 6 tứ giác

B. 7 tam giác, 5 tứ giác.

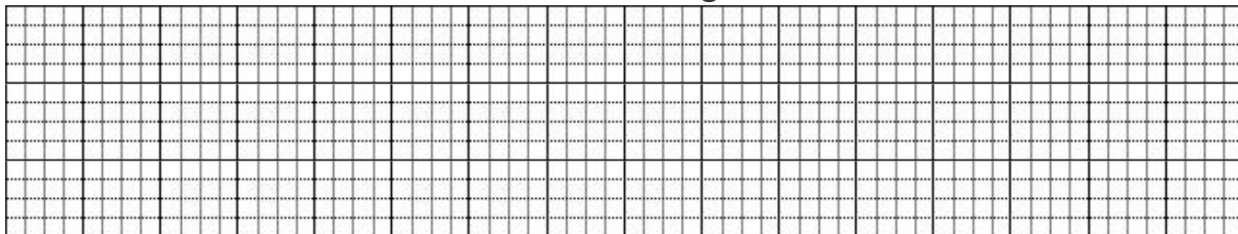
C. 7 tam giác, 7 tứ giác.

D. 6 tam giác, 5 tứ giác



Câu 8. (1 điểm) Một phân xưởng phải may 2340 bộ quần áo. Phân xưởng đã may $\frac{1}{9}$ số bộ quần áo đó. Hỏi phân xưởng còn phải may bao nhiêu bộ quần áo nữa?

Bài giải



ĐỀ SỐ 3

Khoanh vào chữ cái A, B, C, D đặt trước câu trả lời đúng hoặc đáp số đúng của các câu bài tập dưới đây:

Câu 1. (1 điểm)

a) Số liền trước của số 26391 là:

- A. 26 392 B. 26 301 C. 26 390 D. 26 401

b) Số liền sau của số 75 280 là:

- A. 75 279 B. 75 270 C. 75 281 D. 75 290

Câu 2. (1 điểm)

a) Số bé nhất trong các số 6759; 6760; 6699; 7023

- A. 6759 B. 6760 C. 6699 D. 7023

b) Số tám nghìn không trăm mười lăm viết là :

- A. 8015 B. 8150 C. 8051 D. 8105

Câu 3. (1 điểm)

a) Kết quả của phép tính cộng $6475 + 347$ là:

- A. 9945 B. 6822 C. 6812 D. 6722

b) Kết quả của phép tính trừ $9356 - 6837$ là:

- A. 3519 B. 3529 C. 2519 D. 2529

Câu 4. (1 điểm)

a) Kết quả của phép tính nhân 12718×7

- A. 89026 B. 88976 C. 88926 D. 84026

b) Giá trị của biểu thức $16817 + 15043 \times 3$ là:

- A. 95580 B. 61846 C. 61946 D. 61964

Câu 5. (1 điểm) Giá trị của biểu thức là:

a) $9036 - 1035 \times 4 = \dots\dots\dots$

- A. 4140 B. 4896 C. 4869 D. 4996

b) $2429 + 7455 : 7 = \dots\dots\dots$

- A. 1065 B. 1412 C. 3484 D. 3494

Câu 6. (1 điểm) Viết tiếp vào chỗ chấm:

Em bắt đầu ăn cơm lúc 6 giờ 20 phút và ăn xong lúc 6 giờ 50 phút. Như vậy em ăn cơm hết phút.

- A. 20 B. 30 C. 40 D. 50

Câu 7. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $37648 : 4$

b) 2273×35

[illegible]

Câu 8: (1 điểm)

Một hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng kém chiều dài 18cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

Bài giải

[illegible]

Câu 10. (1 điểm)

Một công ty dệt, ngày thứ nhất dệt được 17124 sản phẩm, ngày thứ hai dệt được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Hỏi cả hai ngày công ty dệt được bao nhiêu sản phẩm ?

Bài giải

[illegible]

ĐỀ SỐ 4

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. (1 điểm)

a) Số *chín mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi một* được viết là:

- A. 94361 B. 9431 C. 94631 D.
94316

b) Số nào lớn nhất trong các số sau: 42 360, 42603, 42 630, 42620

- A. 42 360 B. 42 630 C. 42 603 D. 42 620

Câu 2. (1 điểm)

a) Một hình vuông có cạnh 7cm. Tính diện tích hình vuông đó là:

- A. 64cm. B. 64 C. 49 cm² D. 32 cm²

b) Đồng hồ chỉ:

- A. 2 giờ 5 phút C. 11 giờ 10 phút
B. 1 giờ 55 phút D. 2 giờ 55 phút



Câu 3. (1 điểm) Bốn tháng trong năm có 30 ngày đó là:

- A. Tháng 2, tháng 4, tháng 7, tháng 9 B. Tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 11
C. Tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 D. Tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 12

II. Viết số thích hợp vào chỗ

chấm: Câu 4. (1 điểm)

a) Kết quả của phép chia 8496: 6 là:

b) Kết quả của phép tính $92896 - 65748$ là:

Câu 5. (1 điểm)

a) $>, <, = ?$ $7\text{hm } 3\text{dam}$ 730m

b) Số bé nhất có năm chữ số là:

.....

Câu 6. (1 điểm) $x \cdot 2 = 3998$. Giá trị của x là:

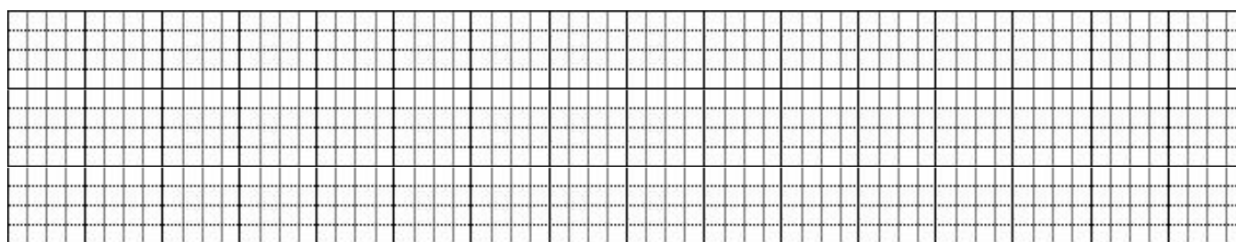
Câu 7. (1 điểm) Giá trị của biểu thức $1031 \cdot 6 + 2718$ là:

III. Phần tự luận

Câu 8: (1 điểm) Tính theo cách thuận tiện nhất

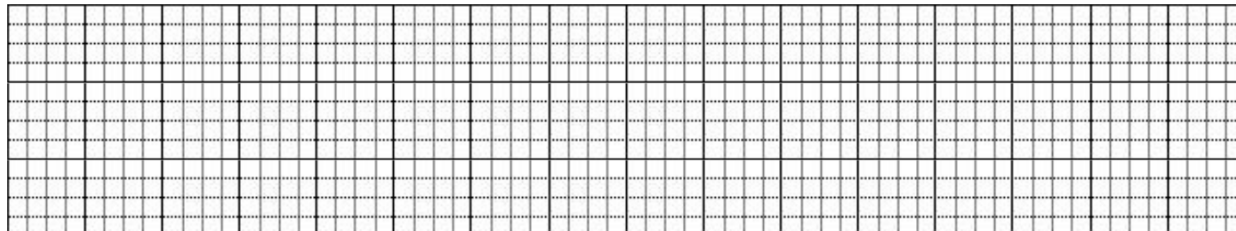
$$64 + 52 + 36 + 48$$

$$125 + 549 + 451 + 875$$



Câu 9. (2 điểm) Một đội công nhân đào mương. Trong 5 ngày đào được 1615 mét mương. Hỏi trong 7 ngày đội công nhân đó đào được bao nhiêu mét mương?

Bài giải



ĐỀ SỐ 5

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. (1 điểm)

a) Số *chín mươi nghìn chín trăm* được viết là:

A. 90900

B. 90090

C. 99000

D. 90009 b) Trong

các số 6042 ; 6102 ; 6103; 6024 số lớn nhất là:

A. 6042

B. 6103.

C. 6102

D. 6024

Câu 2. (1 điểm)

a) Một hình vuông có cạnh 8cm. Tính diện tích hình vuông đó là:

A. 64cm.

B. 32cm

C. 64 cm²

D. 32 cm²

b) Đồng hồ chỉ:

A. 10 giờ 2 phút

B. 10 giờ 10 phút

C. 2 giờ 10 phút

D. 10 giờ 20 phút



Câu 3. (1 điểm) Ngày 28 tháng 4 năm đó là thứ sáu. Ngày 4 tháng 5 năm đó là:

A. Thứ ba.

B. Thứ tư

C. Thứ năm

D. Thứ sáu

II. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

Câu 4. (1 điểm)

- a) Kết quả của phép tính $35000 - 275$ là:
b) Kết quả của phép tính $81981 + 15245$ là:

Câu 5. (1 điểm)

- a) $7\text{m } 5\text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$
b) Số lớn nhất có năm chữ số là:.....

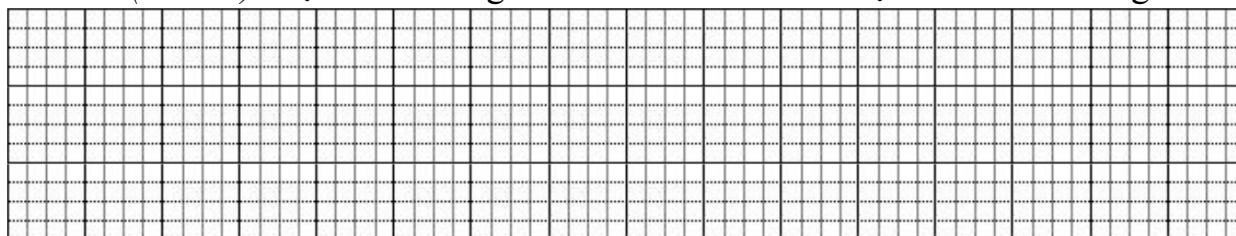
Câu 6. (1 điểm) Giá trị của biểu thức $10303 \times 4 + 27854$ là:

III. Phần tự luận

Câu 7: (1 điểm) Tính theo cách thuận tiện nhất

$$\begin{aligned} 56 + 21 + 44 + 79 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Câu 8. (2 điểm) Một hình vuông có chu vi 16cm. Tính diện tích hình vuông đó. Bài giải



ĐỀ SỐ 6

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. (0,5 điểm) Số liền sau của 1000 là:

- A. 1004 B. 1003 C. 1002 D. 1001

Câu 2. (0,5 điểm) Trong các số: 42 075; 42 090; 42 099; 43 000. Số lớn nhất là:

- A. 42 099 B. 43 000 C. 42 075 D. 42 090

Câu 3. (0,5 điểm) Giá trị của biểu thức $(65321 - 4253) : 2$ là

- A. 30534 B. 30543 C. 30354 D. 30345

Câu 4. (0,5 điểm) Một miếng bìa hình chữ nhật có diện tích là 56 cm^2 , chiều rộng là 7cm.

Chiều dài hình chữ nhật là:

- A. 8 cm^2 B. 9cm C. 8cm D. 7 cm^2

Câu 5. (0,5 điểm) Số 12 được viết bằng chữ số La Mã là:

- A. XII B. XI C. IX D. IIX

Câu 6. (0,5 điểm) Đồng hồ chỉ ... giờ?

- A. 2 giờ 10 phút C. 10 giờ 2 phút



B. 10 giờ 10 phút D. 10 giờ 12 phút

Câu 7. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a, $11 < 36 : 3 < 13$ ☐

b, $11 < 36 : 2 < 13$ ☐

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 8. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a, 57 195 + 23 584

b, 85 021 - 38 534

c, 6462×4

7 235: 5

[illegible]

Câu 9. (2 điểm) Một cửa hàng có 115 túi đường, mỗi túi có 5kg đường. Người ta bán đi 125kg đường. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Bài giải

[illegible]

Câu 10. (2 điểm)

a, Vẽ đoạn thẳng AB dài 6cm.

b, Xác định trung điểm M của đoạn thẳng AB và viết tên các đoạn thẳng đó.

[illegible]

ĐỀ SỐ 7

Câu 1. (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước phương án trả lời đúng:

a) Trong phép chia cho 4, số dư lớn nhất của phép chia đó là:

A. 3 B. 4 C. 2 D. 5 b) Số lớn nhất có năm chữ số khác nhau là:

A. 98745 B. 98765 C. 98766 D. 99999 c) Ngày 20 tháng 11 là thứ hai.

Thứ hai tuần sau là ngày:

A. 27

B. 30

C. 21

D. 29

d) Giá trị của biểu thức: $(4536 + 73845): 9$ là:

A. 9709

B. 12741

C. 8709

D. 8719

e) Một hình vuông có chu vi là 36m. Diện tích hình vuông đó là:

A. 9m

B. 81m²

C. 81m

D. 81cm²

g) Số 21 được viết bằng chữ số La Mã là:

A. XI

B. XII

C. XXI

D. XX

Câu 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5hm 5dam = . . . m

b) 1 giờ 20 phút = phút

Câu 3. (2 điểm)

a) Tìm x:

$$65849 - x = 12466: 2$$

b) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$156 + 75 + 138 + 44 + 125 + 62$$

Câu 4. (2 điểm)

Mẹ mua cho Mai một quyển truyện hết 25 000 đồng và 2 quyển vở, mỗi quyển 5 000 đồng. Mẹ đưa cô bán hàng 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

Bài giải

[illegible]

Câu 5. (2 điểm)

Một phân xưởng ba ngày may được 255 bộ quần áo. Hỏi trong 9 ngày, phân xưởng đó may được bao nhiêu bộ quần áo?

Bài giải

[illegible]

ĐỀ SỐ 8

Câu 1. (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước phương án trả lời đúng:

a) Trong các số: 82350, 82305, 82503, 8530. Số lớn nhất là:

A. 82350 B. 82305 C. 82503 D. 8530 b) Giá trị của chữ số 5

trong số 75790 là:

A. 50000

B. 5000

C. 500

D. 50

c) Bình có 20 000 đồng. Bình mua 2 quyển vở, giá mỗi quyển vở là 4 500 đồng. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu tiền?

A. 15 500 đồng

B. 9 000 đồng

C. 10 000 đồng

D. 11 000 đồng

d) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 6cm, chiều rộng 4cm. Diện tích của mảnh đất đó là:

A. 20cm²

B. 24cm^2

C. 10cm²

D. 24cm

Câu 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) 20dm = m

b) 2 giờ 5 phút = phút

Câu 3. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $71584 - 38439$

b) $37426 + 7958$

c) $14847:7$

[illegible]

Câu 4. (2 điểm) Chu vi hình vuông là 36m. Hỏi diện tích hình vuông đó là bao nhiêu? Bài giải

[illegible]

Câu 5. (2 điểm) Có 16560 viên gạch xếp đều lên 8 xe tải. Hỏi 3 xe tải chở được bao nhiêu viên gạch?

Bài giải

[illegible]

ĐỀ SỐ 9

I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 5)

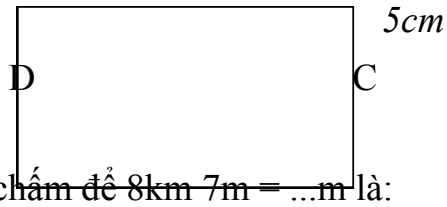
Câu 1 (1 điểm): Số liền sau của số 45 768 là:

- A. 46 769 B. 46 767 C. 45 769 D. 45768

Câu 2 (1 điểm): Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

- A. 26cm² B. 13 cm² A 8 cm B
C. 40cm² D. 40 cm²

Câu 3



(1 điểm): Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để $8\text{km} - 7\text{m} = \dots\text{m}$ là:

- Câu 4** A. 807 B. 8007 C. 870 D. 8070

(1 điểm): Ngày 30 tháng 8 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là:

- Câu 5** A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

(1 điểm): Giá trị của biểu thức $10303 : 4 + 27854$ là:

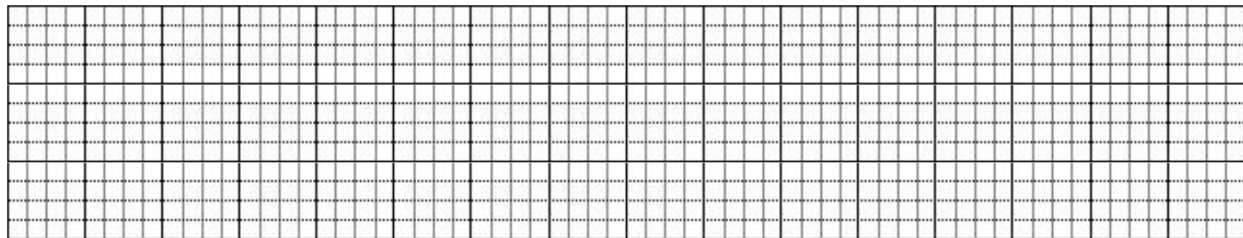
- A. 69066 B. 41212 C. 38157 D. 27858

Câu 6. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $18\text{ cm}^2 + 24\text{ cm}^2 = \dots$ c) $6\text{ cm}^2 : 4 = \dots$
b) $100\text{ g} + 45\text{ g} - 26\text{ g} = \dots$ d) $32\text{ cm}^2 : 4 = \dots$

Câu 7 (1 điểm): Đặt tính rồi tính:

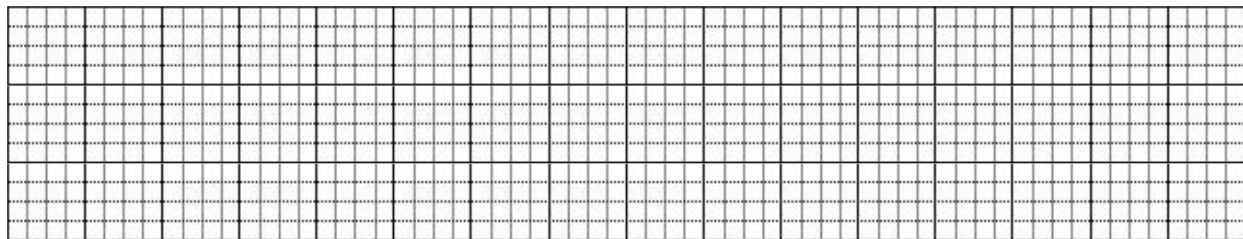
$67468 + 12825$ $50252 : 4$



Câu 8 (2 điểm): Giải bài toán sau:

Muốn lát nền 6 căn phòng như nhau cần 2550 viên gạch. Hỏi muốn lát nền 7 căn phòng như thế cần bao nhiêu viên gạch?

Bài giải



Bài 1(2điểm): Đặt tính rồi tính

ĐỀ SỐ 10

$246 + 348$

$$257 + 129$$

$$568 + 125$$

$$369 + 215$$

[illegible]

Bài 2(2điểm): Tìm một số biết lấy số đó trừ đi 124 rồi trừ tiếp 348 ta được số liền trước số 1000.

[illegible]

Bài 3 (2 điểm) Thư viện của nhà trường có 127 quyển truyện tranh như vậy số truyện tranh nhiều hơn truyện khoa học là 21 quyển. Hỏi:

- Trong thư viện có bao nhiêu quyển truyện khoa học?
- Thư viện có bao nhiêu quyển sách cả 2 loại?

[illegible]

Bài 4(1 điểm): Cho các số 456, 42, 498 và các dấu phép tính +, -, =. Hãy viết tất cả các phép tính đúng.

[illegible]

Bài 1(2điểm): Đặt tính rồi tính

ĐỀ SỐ 11

$$25 : 3$$

$37 : 5$

45: 7

33 : 4

[illegible]

Bài 2 (2điểm): Điền vào chỗ chấm

1/4 của 44kg =kg

1/4 của 84 cm =cm

1/3 của 36 dm =dm

1/9 của 63 l =l

Bài 3 (2điểm): Viết thêm số 9 vào bên phải một số tự nhiên ta được số mới hơn số cũ 279 đơn vị. Tìm số tự nhiên đó.

[illegible]

Bài 4 (3điểm): Có 2 bao gạo. Bao thứ nhất nặng 10kg. Bao thứ hai nặng gấp 3 lần bao thứ nhất. Hỏi cả 2 bao nặng bao nhiêu kg?

[illegible]

Bài 5(1điểm) : $\frac{1}{3}$ đoạn AB dài 2cm. Hỏi đoạn AB dài bao nhiêu cm? Vẽ đoạn thẳng AB.

[illegible]

Bài 1(2điểm): Đặt tính rồi tính

ĐỀ SỐ 12

36 : 3

51 x 7

49 x 5

47 : 5

Bài 2(2điểm)

a) Gấp mỗi số sau đây lên 7 lần: 18 , 29

b) Giảm mỗi số sau đi 7 lần: 77, 63

Bài 3(2điểm) : Gấp 1 số lên 4 lần rồi giảm tiếp kết quả đi 12 đơn vị thì được 24. Tìm số đó.

Bài 4 (3 điểm): Túi thứ nhất đựng 8 kg gạo bằng $\frac{1}{3}$ túi thứ hai. Hỏi túi thứ hai đựng nhiều hơn túi thứ nhất bao nhiêu kg gạo?

Bài 5(1điểm): Tìm số bị chia, biết số chia là 15, thương là 8 và số dư là số dư lớn nhất.

Bài 6(1điểm): Để đánh số trang của một quyển sách gồm 50 trang ta phải dùng bao nhiêu chữ số?

Bài 1: Đặt tính rồi tính

ĐỀ SỐ 13

78 : 7

215 x 5

308 x 3

95 : 3

[illegible]

86 : 4

98 : 4

201 x 3

270 x 2

[illegible]

69 : 6

89 : 3

111 x 5

121 x 6

[illegible]

Bài 2: Có 8 con gà trống, số gà mái nhiều hơn số gà trống là 40 con. Hỏi số gà trống bằng một phần mấy số gà mái?

Bài giải

[illegible]

Bài 3: Một bến xe có 63 xe ô tô, sau đó có $\frac{1}{7}$ số ô tô rời bến xe. Hỏi bến xe còn lại bao nhiêu xe?

Bài giải

[illegible]

Bài 4: Trong kho có 9 bao gạo, mỗi bao nặng 50 kg. Người ta lấy ra 135kg gạo để bán. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

[illegible]

Bài 5: Tính

$$50\text{g} \times 5 + 5\text{g} =$$

$$12\text{g} \times 9 + 12\text{g} =$$

$$90\text{g} \times 4 - 125\text{g}$$

$$=$$

$$69\text{g} \times 5 - 118\text{g} =$$

Bài 1: Đặt tính rồi tính

ĐỀ SỐ 14

$42 : 4$

56 : 4

$$75 : 5$$

94 : 3

[illegible]

86 : 4

79 : 7

45 : 2

77 : 6

[illegible]

215 x 3

224 x 4

405 x 2

192 x 5

[illegible]

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

$5 \times 9 : 3$

$$138 + 96 : 2$$

[illegible]

$$100 - 64 : 2$$

96 : 6 x 8

[illegible]

Bài 3: Trên xe buýt có 80 hành khách. Đến bến có $\frac{1}{5}$ số khách xuống xe. Hỏi trên xe còn lại bao nhiêu hành khách?

Bài giải

[illegible]

Bài 4: Năm nay bà 64 tuổi. Tuổi bà gấp đôi tuổi mẹ, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi Minh. Hỏi năm nay Minh bao nhiêu tuổi?

Bài giải

[illegible]

Bài 5: Trong vườn có 6 cây cam. Số cây cam ít hơn quýt là 18 cây. Hỏi số cây cam bằng một phần mấy số cây quýt?

Bài giải

[illegible]

Bài 6: Có 63 mét vải, may mỗi một bộ quần áo hết 4 mét. Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Bài giải

1. Introduction The purpose of this study is to investigate the effects of climate change on the global environment. This research aims to provide a comprehensive overview of the current state of climate change and its potential impacts on various ecosystems and human societies. 2. Methodology The study employs a mixed-methods approach, combining quantitative data analysis with qualitative interviews. The quantitative data is derived from satellite imagery and climate models, while the qualitative data is collected through interviews with experts in the field of climate science.	3. Results The results of the study indicate a significant increase in global temperatures over the past century. This increase is attributed to the rising levels of greenhouse gases in the atmosphere, which trap heat and lead to a warming effect. The study also shows that the rate of warming is accelerating, with more frequent and severe weather events occurring globally. 4. Conclusion The findings of this study suggest that climate change is a pressing global issue that requires immediate action. Governments and individuals alike must take steps to reduce greenhouse gas emissions and implement sustainable practices to mitigate the effects of climate change on the environment and human health.
---	---

ĐỀ SỐ 15

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

a. Số liền trước của số 19890 là:

- A. 19891 B. 19890 C. 18900 D. 19889

b. Số lớn nhất trong các số 25 987; 10 876; 99 876; 54 287 là:

- A. 10 876 B. 25 987 C. 99 876 D. 54 287

Câu 2: Chủ nhật đầu tháng là ngày mùng 5, chủ nhật tiếp theo trong tháng là ngày mấy?

- A. 12 B. 25 C. 24 D. 30

Câu 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) $25 \text{ dam} + 17 \text{ dam} = 420\text{m}$ ☐

- b) $4\text{m}5\text{cm} > 450 \text{ cm}$

- c) $999 \text{ g} + 1\text{kg} = 1000 \text{ kg}$

- d) $12\text{dm } 5\text{cm} = 125\text{cm}$

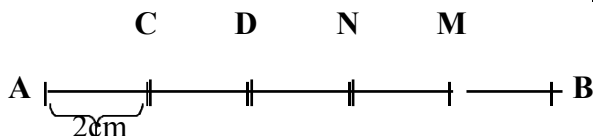
Câu 4: Trong hình vẽ sau :

- A. C là trung điểm của đoạn AD

- B. C là trung điểm của đoạn AN

- C. N là trung điểm của đoạn AM

- D. M là trung điểm của đoạn DM



Câu 5: Đường kính của một hình tròn là 60 cm thì bán kính của hình tròn đó là:

- A. 30cm B. 120 cm C. 20 cm D. 240 cm

Câu 6: Đặt tính rồi tính:

- a. $45\,367 + 6123$ b. $98\,746 - 12\,253$ b. $57\,897 : 7$ d) 1984×3

Bài giải

	Diagram illustrating the process of _____ (fill in the blank). 1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____ 5. _____
--	--

Câu 8. Có 7 thùng dầu như nhau đựng tất cả 63 lít dầu. Hỏi có 774 lít dầu thì cần bao nhiêu thùng như thế để chứa hết ?

Bài giải

[illegible]

Câu 9. Tính hiệu của số tự nhiên nhỏ nhất có hai chữ số với số tự nhiên lớn nhất có một chữ số?

[illegible]

Bài 10: Vườn nhà Hồng có 54 cây vải, vườn nhà Huệ có số cây vải kém vườn nhà Hồng 6 lần. Hỏi cả hai vườn có bao nhiêu cây vải?

Bài giải

[illegible]

Bài 11: Một trại nuôi gà có 792 con gà nhốt đều vào 9 ngăn chuồng. Người ta bán đi một số gà bằng số gà nhốt trong 2 ngăn chuồng. Hỏi người ta đã bán đi bao nhiêu con gà?

Bài giải

Lớp 5 tới em tiếp tục soạn bài giảng PPT sách Kết nối tri thức và
Cánh diều. Rất mong được đồng hành cùng quý thầy cô



MỜI THẦY CÔ QUÉT
MÃ ZALO NHẬN TÀI
LIỆU HAY MIỄN PHÍ



<https://zalo.me/g/kyvrkk831>